

Số: **2763** /BKHDĐT-VP

Hà Nội, ngày **12** tháng 4 năm 2024

V/v báo cáo việc công khai thực hiện dự
toán thu - chi NSNN quý I năm 2024 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán NSNN quý I năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Bích Ngọc (để b/c);
- Trung tâm CNTT và CDS (để công khai);
- Lưu: VT, VP (P.KHTC). **12**

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Bùi Anh Tuấn



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo công văn số 2763/BKHD-T-VP ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu từ các khoản phí thuộc NSNN				
1	Số thu phí, lệ phí	44.000	10.867	25	77
a)	Lệ phí				
b)	Phí	44.000	10.867	25	77
	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp	44.000	10.867	25	77
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	30.800	742	2,41	288
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	13.200	1.630	12	77
a)	Lệ phí				
b)	Phí	13.200	1.630	12	77
	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp	13.200	1.630	12	77
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.274.389,05	302.776	13,31	96
1	Chi quản lý hành chính	2.193.050	287.337	13,10	121
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.232.500	252.381	20,48	119
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	960.550	34.956	3,64	142
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	36.660	7.586	21	118
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.660	7.586	21	118
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.814	7.853	21	81
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.814	7.853	21	81
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.3	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
4	Chi hoạt động kinh tế	0			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>				
	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia</i>				
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi Hợp tác Lào - Campuchia	2.445,05			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.445,05			
III	Nguồn vốn đối ứng				
	Chi hoạt động kinh tế	5.420	128	2,4	95
1	Dự án Hỗ trợ các cơ quan Việt Nam trong việc sản xuất, cung cấp, và sử dụng dữ liệu, bằng chứng, có chất lượng về dân số phục vụ công tác đánh giá, xây dựng và thực hiện các chính sách, chiến lược, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và giám sát các Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam, giai đoạn 2022-2026	1.000			
2	Dự án Chính sách và Kế hoạch thân thiện với trẻ em giai đoạn 2023-2026	800			
3	HTKT Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam	930			
4	Thúc đẩy hệ sinh thái doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam ứng phó với Covid -19	580			
5	Chương trình Tăng cường quản trị kinh tế tại Việt Nam Hợp phần 2: Tăng cường môi trường kinh doanh, quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư công và mua sắm công	450			
6	HTKT Tăng cường khả năng giám sát và đánh giá để cải thiện hiệu suất của các dự án đầu tư công	420			
7	Triển khai khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam theo hướng tiếp cận từ Chương trình khu công nghiệp sinh thái toàn cầu	580	128	22	95
8	Hỗ trợ phát triển DNNVV trong ASEAN thực hiện tại VN giai đoạn II	660			
IV	Nguồn viện trợ không hoàn lại				
	Chi hoạt động kinh tế				

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo công văn số ~~2763~~ BKHDĐT-VP ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đơn vị dự toán cấp I) công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý I năm 2024 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Dự toán thu phí Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đơn vị dự toán cấp 1) được giao thực hiện năm 2024 là 44.000 triệu đồng.

2. Thực hiện quý I năm 2024:

Số thu phí các đơn vị dự toán thuộc Bộ thực hiện là 10.867 triệu đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn ngân sách nhà nước:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN năm 2024 là 2.274.389,05 triệu đồng

- Chi quản lý hành chính: 2.193.050 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 36.660 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp giáo dục và dạy nghề: 36.814 triệu đồng.

- Chi hoạt động kinh tế: 5.420 triệu đồng.

- Chi quan hệ tài chính với nước ngoài: 2.445,05 triệu đồng.

2. Giải ngân quý I năm 2024 là 302.776 triệu đồng, tương đương 13.31%

- Chi quản lý hành chính: 287.337 triệu đồng, tương đương 13%.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 7.586 triệu đồng, tương đương 21%.

- Chi sự nghiệp giáo dục và dạy nghề: 7.833 triệu đồng, tương đương 21%.

- Chi hoạt động kinh tế: 128 triệu đồng, tương đương 2,4%